

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57/2026/DS-ST.
Ngày: 30-01-2026.
V/v “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bành Quốc Trung.

Bà Đinh Thị Kim Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Hồng Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 765/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 776/2025/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2026/QĐST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

Địa chỉ: Số H L, phường G, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T – Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm X1 – Ngân hàng TMCP V

Người đại diện tham gia tố tụng:

+ Nguyễn Thanh D1, Chuyên viên xử lý nợ.

CCCD số: 080097002489.

Hoặc:

+ Trần Thị Ái H, Trưởng bộ phận xử lý nợ.

CCCD số: 042185006370.

Cùng địa chỉ: Số A H, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Trần Thị Huỳnh N, sinh năm 1992.

CCCD số: 082192016514.

Địa chỉ: Khu phố H, phường S, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh D1 xin vắng mặt; chị N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1) trình bày:

Chị Trần Thị Huỳnh N đã vay vốn của V1 theo hợp đồng vay vốn số LD2435102013; số hồ sơ giải ngân LD2435102013; số tiền vay 175.600.000 đồng; thời hạn vay 60 tháng; ngày giải ngân 16/12/2024; mục đích vay tiêu dùng cá nhân; trả tiền gốc theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 05, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 05/01/2026, tổng cộng gồm 48 kỳ; trả lãi theo định kỳ 01 tháng/01 lần vào ngày 05, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 05/01/2025, tổng cộng gồm 60 kỳ; chị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 05/01/2025.

Quá trình thực hiện hợp đồng nêu trên chị N đã thanh toán 1.500.000 đồng tiền vốn gốc và 4.293.480 đồng tiền lãi suất, do chị Trần Thị Huỳnh N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V1 nên toàn bộ khoản vay trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn với lãi suất quá hạn. Tạm tính đến ngày 30/01/2026, chị Trần Thị Huỳnh N còn nợ V1 số tiền là: Nợ gốc khoản vay 174.100.000 đồng, nợ lãi khoản vay 53.248.874 đồng, nợ thẻ tín dụng 0 đồng, tổng cộng 227.348.874 đồng.

Nay V1 yêu cầu chị Trần Thị Huỳnh N phải thanh toán cho V1 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng nêu trên, tạm tính đến ngày 30/01/2026: Nợ gốc khoản vay 174.100.000 đồng, nợ lãi khoản vay 53.248.874 đồng, nợ thẻ tín dụng 0 đồng, tổng cộng 227.348.874 đồng

Yêu cầu chị N tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi chị N thực tế thanh toán hết nợ cho V1.

Bị đơn chị Trần Thị Huỳnh N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị N nhưng chị N không đến Tòa án và cũng không gửi bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V khởi kiện yêu cầu chị Trần Thị Huỳnh N trả số tiền vay 174.100.000 đồng và tiền lãi suất phát sinh nên Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định

tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại phường S, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét đại diện ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh D1 có đơn xin vắng mặt; bị đơn chị Trần Thị Huỳnh N đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh D1 và chị N.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1), Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Chị Trần Thị Huỳnh N đã vay vốn của V1 theo hợp đồng vay vốn số LD2435102013; số hồ sơ giải ngân LD2435102013; số tiền vay 175.600.000 đồng; thời hạn vay 60 tháng; ngày giải ngân 16/12/2024; mục đích vay tiêu dùng cá nhân; trả tiền gốc theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 05, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 05/01/2026, tổng cộng gồm 48 kỳ; trả lãi theo định kỳ 01 tháng/01 lần vào ngày 05, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 05/01/2025, tổng cộng gồm 60 kỳ. Quá trình thực hiện hợp đồng nêu trên chị N đã thanh toán 1.500.000 đồng tiền vốn gốc và 4.293.480 đồng tiền lãi suất, chị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 05/01/2025 nên toàn bộ khoản vay trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn với lãi suất quá hạn và V1 khởi kiện chị N. Tính đến ngày 30/01/2026, chị Trần Thị Huỳnh N còn nợ V1 số tiền là: Nợ gốc khoản vay 174.100.000 đồng, nợ lãi khoản vay 53.248.874 đồng, nợ thẻ tín dụng 0 đồng, tổng cộng 227.348.874 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình V1 đã cung cấp cho Tòa án hợp đồng cho vay số LD2435102013 ngày 16/12/2024, Văn bản xác nhận về việc đồng ý đối với hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân ngày 30/11/2023, Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp hạn mức thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 30/11/2023.

[3.2] Phía chị N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị N không đến Tòa án cũng không gửi văn bản trình ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt tại phiên tòa, cho thấy chị N đã từ bỏ quyền chứng minh của mình. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của V1 xin vắng mặt nhưng vẫn giữ yêu cầu khởi kiện yêu cầu chị N trả cho V1 toàn bộ số tiền vốn và lãi tính đến ngày 30/01/2026 là 227.348.874 đồng (trong đó nợ gốc 174.100.000 đồng, nợ lãi khoản vay 53.248.874 đồng, nợ thẻ tín dụng 0 đồng). Do đó, Hội đồng xét xử xác định chị N còn nợ V1 số tiền nợ gốc 174.100.000 đồng, nợ lãi khoản vay 53.248.874 đồng, nợ thẻ tín dụng 0 đồng, chị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho V1 theo khoản 5 Điều 2 hợp đồng cho vay số LD2435102013 ngày 16/12/2024 nên buộc chị N có nghĩa vụ trả cho V1 số tiền nợ gốc 174.100.000

đồng, nợ lãi khoản vay 53.248.874 đồng, nợ thẻ tín dụng 0 đồng, tổng cộng 227.348.874 đồng.

[3.3] Về thời gian trả tiền: V1 yêu cầu chị N trả số tiền nợ gốc 174.100.000 đồng, nợ lãi khoản vay 53.248.874 đồng, nợ thẻ tín dụng 0 đồng, tổng cộng 227.348.874 đồng và tiếp tục chịu lãi suất phát sinh sau ngày 30/01/2026 là có cơ sở chấp nhận vì chị N vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của V1 nên Hội đồng xét xử buộc chị N có nghĩa vụ trả cho V1 số tiền nợ gốc 174.100.000 đồng, nợ lãi khoản vay 53.248.874 đồng, nợ thẻ tín dụng 0 đồng, tổng cộng 227.348.874 đồng và tiếp tục chịu lãi suất phát sinh sau ngày 30/01/2026.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của V1 được Tòa án chấp nhận nên chị N phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 107 và Điều 108 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

Buộc chị Trần Thị Huỳnh N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền nợ gốc 174.100.000 đồng, nợ lãi khoản vay 53.248.874 đồng, nợ thẻ tín dụng 0 đồng, tổng cộng 227.348.874 đồng (Hai trăm hai mươi bảy triệu ba trăm tám mươi bốn ngàn tám trăm bảy mươi bốn đồng).

Kể từ ngày 31/01/2026 chị Trần Thị Huỳnh N tiếp tục chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho vay số LD2435102013 ngày 16/12/2024.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Huỳnh N phải chịu 11.367.443 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H1 lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí 4.966.640 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008693 ngày 21/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Báo đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 2;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị X